

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ KON TUM  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HS-ST.  
Ngày 10/6/2021.

**N DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN N D THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Ngữ

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Chế Thị Mai.

2. Ông Nguyễn Văn Long (Giáo viên).

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Quang Đô – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:** Ông Phan Minh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64 /2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

**A L** sinh năm 2000, tại tỉnh Kon Tum; Trú tại: Thôn K, phường N, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn):5/12;D tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A Lên và bà Y Bang; tiền án: Không, tiền sự: Không.

*N thân:* Ngày 14 tháng 6 năm 2017, bị Tòa án N D thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt 04 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (đã chấp hành xong hình phạt).

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, bị Tòa án N D thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2018, về tội “*Trộm cắp tài sản*” (đã chấp hành xong hình phạt tù, án phí và được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 11 năm 2020 cho đến nay đưa ra xét xử, có mặt tại phiên tòa.

**- Người bị hại:** Cháu Phạm Trọng N, sinh ngày 30/ 01/2013 - Có mặt.

Trú tại: Thôn 03, xã Đ, thành phố T, tỉnh T.

- **Người đại diện hợp pháp của người bị hại:** Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1968 và bà Phan Thị D, sinh năm 1981 (*là cha, mẹ của cháu Phạm Trọng N*); Bà Phan Thị D ủy quyền cho ông Phạm Ngọc D làm người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Trọng N - Có mặt.

Trú tại: Thôn 03, xã Đ, thành phố T, tỉnh T.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phạm Ngọc D sinh năm 1968 (có mặt).

Trú tại: Thôn 03, xã Đ, thành phố T, tỉnh T.

2. Ông Lê Văn H sinh năm 1983 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn K, xã Đ, thành phố T, tỉnh T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 05/11/2020, vì cần tiền tiêu xài nên A Lạc, khi đang đi bộ trong Thôn K, phường N, thành phố T, tỉnh T thì nảy sinh ý định tìm nhà người D sơ hở để trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà số 07 Nguyễn Huệ, tổ 04, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum (bên trong có dây phòng cho thuê), A L thấy cổng mở nên đi bộ vào bên trong. Khi đi đến phòng trọ số 04, A L thấy trong phòng có mỗi cháu Phạm Trọng N đang cầm điện thoại OPPO R7sf màu trắng xám chơi, nên A L tiến lại gần dùng tay giật chiếc điện thoại trên tay của cháu N rồi nhanh chóng tẩu thoát. Khi về đến khu vực nhà rông thôn Kon Tum Kơ Nâm thì gặp A Daêy Vin, A L nhờ A Daêy Vin chở đi tìm chỗ bán điện thoại. A Daêy Vin điều khiển xe mô tô chở A L đi đến nhà của anh Lê Văn H tại thôn Kon Mơ Nay Kon Tu 01, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum để bán chiếc điện thoại di động trên cho anh H với giá 500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 69/ĐG-TS ngày 12/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự của Ủy ban N D thành phố Kon Tum kết luận: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO R7sf, màu trắng xám có giá trị là 680.000đ (*Sáu trăm tám mươi ngàn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 57/CT-VKSTPKT ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát N D thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo A L về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N D thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017: Xử phạt bị cáo A L từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù.

Về phần D sự và án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý với Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố về tội “*Cướp giật tài sản*”,

mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình, cộng đồng xã hội và lao động sản xuất.

Tại phiên tòa người bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Phiên tòa ngày 07/6/2021, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vắng mặt có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 289; điều 297 Bộ luật tố tụng hình sự, ra Quyết định hoãn phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét xử thấy rằng các hành vi tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cũng như các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum, Viện kiểm sát N D thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum trong quá trình điều tra, truy tố đều đảm bảo thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo A L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trước đây tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Chỉ vì mục đích muốn có tiền để tiêu xài cá N, nên vào khoảng 19 giờ ngày 05 tháng 11 năm 2020, bị cáo đã đi vào phòng số 4 thuộc dãy phòng trọ của nhà số 07 đường Nguyễn Huệ, tổ 04, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, bị cáo đã dùng tay giật 01 chiếc điện thoại di động OPPO R7sf màu trắng xám của cháu Phạm Trọng N có trị giá là 680.000 đồng; ngoài ra tính đến ngày bị cáo A L thực hiện hành vi phạm tội thì cháu Phạm Trọng N mới được 07 tuổi 09 tháng 05 ngày. Vì vậy, Viện kiểm sát N D thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo A L về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường pháp luật; đồng thời gây mất trật tự an ninh xã hội, tạo tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng N D nói chung và trẻ em nói riêng trong việc quản lý tài sản và tác động xấu đến đời sống của N D tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một

mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công D tốt sau này, cũng như răn đe và phòng ngừa chung trước tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu đang ngày càng gia tăng, phức tạp như hiện nay.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tự giác cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[6] Xét về N thân: Bị cáo A L là người có N thân chưa tốt, vì trước khi phạm tội này, bị cáo A L đã 02 lần bị xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*”, mặc dù đã được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó để tự cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện, sửa chữa lỗi lầm của mình mà còn thể hiện sự xem thường kỷ cương, pháp luật của nhà nước, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “*Cướp giật tài sản*”, với tính chất và mức độ phạm tội ngày càng nghiêm trọng hơn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là đúng pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có công việc ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Trong vụ án này, còn có đối tượng A Daêy Vin là người chở bị cáo A L đến gặp anh Lê Văn Hoi để bán điện thoại, tuy nhiên hiện nay A Daêy Vin đã bỏ đi khỏi địa phương, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum đã tách ra, xác minh, xử lý sau.

Đối với anh Lê Văn Hoi là người mua điện thoại, nhưng không biết điện thoại này do bị cáo A L phạm tội có được, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum không xử lý đối với anh Lê Văn Hoi là đúng pháp luật.

[9] Về trách nhiệm D sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với số tiền 500.000đ mà bị cáo bán chiếc điện thoại cướp giật được cho anh H trong quá trình điều tra anh Hoi không yêu cầu bị cáo phải trả lại, Hội đồng xét xử xét thấy đây là quyền định đoạt của anh Hoi về quyền tài sản, nên không xem xét.

[10] Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum đã trả lại chiếc điện thoại cho anh Phạm Ngọc D là đúng quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **A L** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo **A L 36** (*ba mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/11/2020.

- Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo **A L** phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (*10/6/2021*) lên Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TP Kon Tum;
- CCTHA DS TP Kon Tum;
- Công an TP Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Phòng hồ sơ PV27 CA tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo, Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Ngữ**